

LAB 6. ỨNG DỤNG WINDOWS FORMS

Nội dung:

- Các loại Form
- Các điều khiển trong Form
- Lớp MessageBox trong C#

Bài 6.1. Thiết kế giao diện gồm 4 label, 3 textbox, 6 button như hình bên và viết mã lệnh để:

- Nhập 2 số hạng, thông báo nếu số nhập vào không đúng định dạng, xóa và đưa con trỏ vào textbox tương ứng nếu chọn nút “OK” trên hộp thông báo.
- Click nút “+” sẽ thực hiện tính tổng 2 số và hiển thị kết quả; tương tự cho các nút “-“, “*“, “/”.
- Click nút “C” sẽ xóa nội dung trong 3 textbox và đưa con trỏ vào textbox số a.
- Click “Close” sẽ đóng form

Bài 6.2. Thiết kế giao diện gồm 5 label, 4 textbox, 2 button, 1 groupBox, 2 radioButton như hình bên và viết mã lệnh để:

- Khi chọn phương trình bậc nhất sẽ cho phép nhập vào 2 hệ số a, b; chọn phương trình bậc 2 sẽ cho phép nhập vào 3 hệ số a, b, c. (Lưu ý: kiểm tra dữ liệu nhập vào đúng định dạng hay không?)
- Click “Thực hiện” sẽ giải phương trình với hệ số tương ứng, hiện kết quả giải phương trình trong textbox “kết quả”

- Click “Close” sẽ đóng form

Bài 6.3. Thiết kế giao diện gồm 2 label, 1 textbox, 12 button, 1 listbox như hình dưới để mô phỏng thiết bị Security Panel đặt ngoài cửa một phòng Lab. Phòng Lab chỉ cho các cá nhân có nhiệm vụ liên quan được vào Lab, và mỗi lần vào Lab họ phải nhập security code đã được cấp sẵn hay còn gọi là access code. Các access code sau đây là hợp lệ:

- Technician: 4361
- Scientist: 6372
- Employee: 9652 hoặc 9843
- Boss: 1020

frm6_3

Security code: [****]

Keypad: 1, 2, 3, C, 4, 5, 6, #, 7, 8, 9, 0

Access log

09/12/2020 3:28:01 PM	Boss
09/12/2020 3:28:09 PM	Technician

Khi người vào nhấn access code xong, Click vào “#” ứng dụng sẽ kiểm tra code có hợp lệ không? Nếu hợp lệ thì hiển thị thông tin thời gian và đối tượng vào Lab trong khung listbox bên dưới.

Trong khi nhấn thì số ký tự nhấn sẽ được hiện lên textbox “security code” được thay bằng các ký tự *, khi nhập sai có thể nhấn “C” để xóa ký tự sau cùng.

Bài 6.4. Thiết kế giao diện gồm 4 label, 2 textbox, 4 button, 1picturebox, 1 DataGridView như Hình 1 và viết mã lệnh để:

- Khi hiển thị form sẽ lấy dữ liệu từ tập tin “Student.txt” (Hình 2) đưa vào list để hiển thị trên DataGridView.
- Click vào picturebox sẽ hiển thị hộp thoại **Open** cho phép chọn hình ảnh của sinh viên từ file đã lưu trữ trên máy. (Hình 3)
- Nhập dữ liệu vào các textbox và Click “Add” sẽ thêm một sinh viên vào list và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.
- Nhập mã số sinh viên vào textbox và Click “Delete” sẽ xóa một sinh viên đó khỏi list và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.

frm6_4

DANH SÁCH SINH VIÊN

Mã số SV: [61132456]

Họ tên: [Lê Thanh Lan]

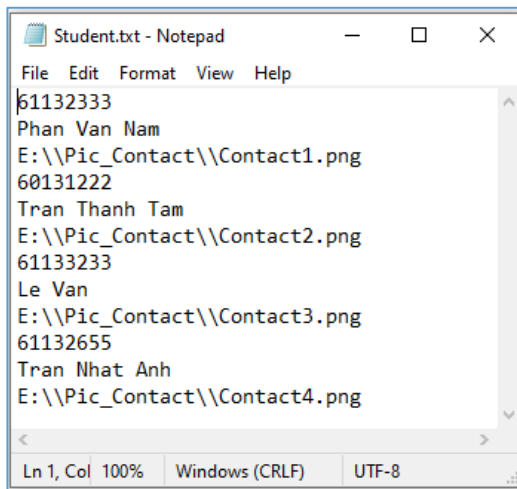
Hình ảnh: [Picture of a student]

Buttons: Add, Delete, Update, Close

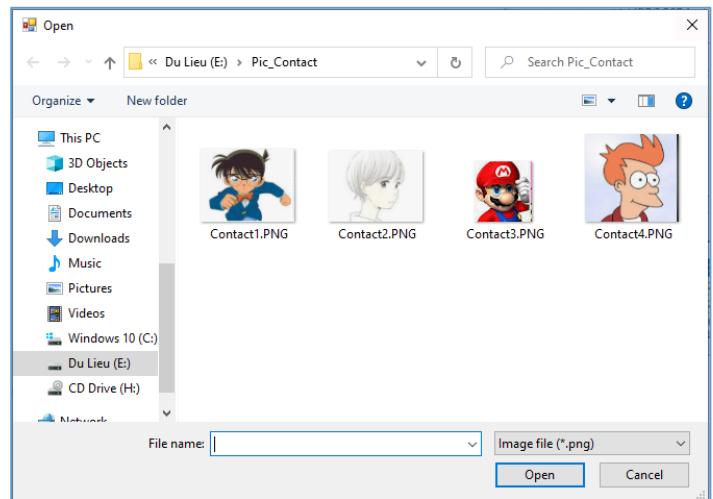
	Id	Name	Pic
▶	61132333	Phan Van Nam	E:\Pic_Contact\Contact1.png
	60131222	Tran Thanh Tam	E:\Pic_Contact\Contact2.png
	61133233	Le Van	E:\Pic_Contact\Contact3.png
	61132655	Tran Nhat Anh	E:\Pic_Contact\Contact4.png

Hình 1

- Nhập mã số sinh viên vào textbox và Click **“Update”** sẽ cập nhật thông tin sinh viên đó từ các textbox vào list và cập nhật dữ liệu trong DataGridView.
- Click **“Close”** sẽ ghi dữ liệu có trong DataGridView vào file.

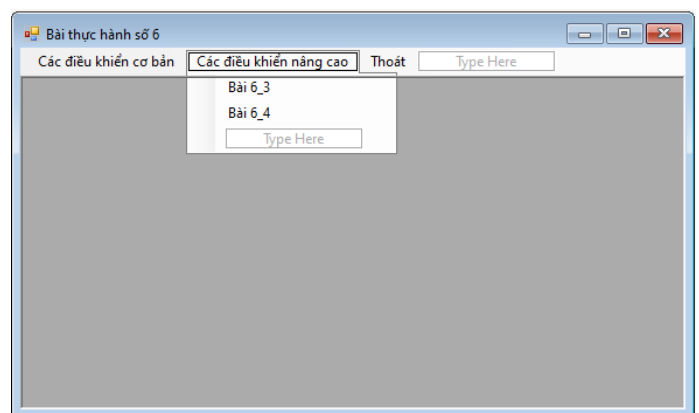
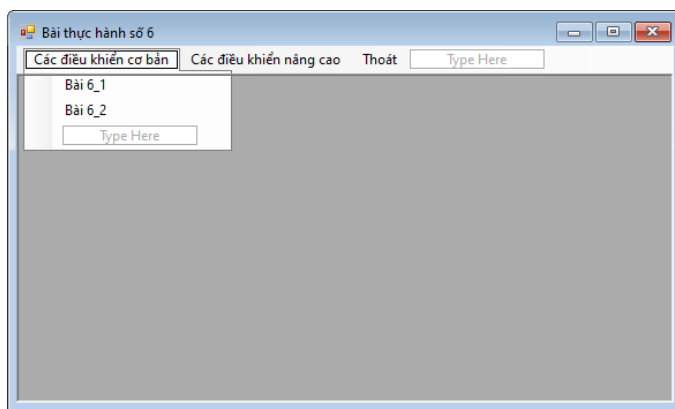


Hình 2



Hình 3

Bài 6.5. Thiết kế giao diện dạng form Multiple có menu như hình bên và viết mã lệnh để:



- Click mục **“Bài 6_1”** trong menu sẽ mở form Bài tập 6_1.
- Click mục **“Bài 6_2”** trong menu sẽ mở form Bài tập 6_2.
- Click mục **“Bài 6_3”** trong menu sẽ mở form Bài tập 6_3.
- Click mục **“Bài 6_4”** trong menu sẽ mở form Bài tập 6_4.
- Click mục **“Thoát”** trong menu sẽ thoát khỏi ứng dụng.